

Thực trạng triển khai các chương trình đào tạo về hình thức PPP tại Việt Nam

Situation of implementation of PPP training programs in Vietnam

Trần Hải Nam¹, Nguyễn Minh Nhất², Nguyễn Vũ Bảo Minh³

Tóm tắt

Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (Public-private partnership - gọi tắt là PPP) là một xu thế tất yếu của giai đoạn hiện nay. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế, toàn cầu hóa và khu vực hóa ngày càng sâu rộng, với sự dịch chuyển ngày càng năng động của các nguồn vốn, nhân lực giữa các thành phần kinh tế, các quốc gia. Tại Việt Nam hình thức PPP đã và đang được Chính phủ chú trọng và hết sức quan tâm. Tuy nhiên, chất lượng các dự án PPP tại Việt Nam trong những năm vừa qua chưa thực sự hiệu quả, một trong những nguyên nhân là chất lượng nguồn nhân lực trong một số các dự án PPP còn chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Chính vì vậy cần nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực PPP nhằm cung cấp đội ngũ cán bộ có trình độ cao về PPP, có kiến thức chuyên sâu về dự án và quản lý dự án đầu tư xây dựng trên từng phương diện cụ thể. Để làm được điều đó, việc nghiên cứu, phân tích và đánh giá thực trạng triển khai các chương trình đào tạo hiện có về hình thức PPP tại Việt Nam là rất ý nghĩa và cấp thiết đối với thực tế Việt Nam.

Từ khóa: Đào tạo, chương trình đào tạo, dự án, PPP, dự án PPP, quản lý dự án

Abstract

Investment in the form of public-private partnership (PPP) is an inevitable trend of the current period, in the context of deeper international integration, globalization and regionalization with the increasingly dynamic movement of capital and human resources among economic sectors and countries. In Vietnam, the PPP form has been focused and paid great attention by the Government. However, the quality of PPP projects in Vietnam in recent years has not been really effective, partly due to the fact that the quality of human resources in some PPP projects has not yet met the requirements of the task. Therefore, it is necessary to improve the quality of PPP human resource training to provide a team of highly qualified PPP staff with in-depth project knowledge and construction investment project management in each specific aspect body. To achieve this goal, it is imperative to conduct research, analysis, and evaluation of the actual implementation of PPP training programs in Vietnam.

Key words: Training, training program, project, PPP, PPP project, project management

1. Đặt vấn đề

Dự án PPP có đặc thù phức tạp bao gồm các dự án xây dựng, vận hành, cải tạo, quản lý công trình hạ tầng cung cấp dịch vụ công.... Đây là hình thức thể hiện mối quan hệ hợp tác kinh tế gắn bó chặt chẽ giữa nhà nước và doanh nghiệp tư nhân hay còn gọi là quan hệ hợp tác công tư, nhằm hoàn thiện 1 dự án đầu tư. Trong các dự án PPP công tác chuẩn bị, thực hiện và quản lý dự án có nhiều rủi ro, đòi hỏi nguồn nhân lực có kiến thức, chuyên môn sâu, và được phát triển trong dài hạn. Do đó, để thực hiện tốt việc đầu tư theo hình thức PPP thì việc triển khai đào tạo nguồn nhân lực là vô cùng quan trọng.

Tổng quan về đầu tư theo hình thức PPP tại Việt Nam trong thời gian gần đây cho thấy hình thức này đã khẳng định vai trò quan trọng làm đa dạng hóa nguồn vốn đầu tư phát triển và có thể trở thành một trong những mô hình hợp tác có hiệu quả giữa nhà nước và tư nhân trong phát triển cơ sở hạ tầng ở Việt Nam. Bên cạnh đó, thực tiễn cho thấy nhiều dự án PPP còn nhiều vướng mắc, khó thực hiện do nhiều nguyên nhân như hệ thống chính sách pháp luật chưa hoàn thiện, chưa đánh giá đúng những tồn tại, nguyên nhân và các giải pháp hiệu quả và đặc biệt là chất lượng nguồn nhân lực trực tiếp tham gia còn chưa đáp ứng được yêu cầu.

Trong thời gian qua tổ chức bộ máy, nhân sự thực hiện PPP cũng đã phần nào được triển khai theo hướng chuyên trách, chuyên nghiệp ở các cấp thực hiện dự án nhưng còn nhiều hạn chế và vướng mắc. Bởi vậy, nhằm phát triển năng lực của các bên liên quan trong khu vực nhà nước cũng như khu vực tư nhân để thực hiện thành công, bền vững các dự án đầu tư theo hình thức PPP tại Việt Nam trong thời gian tới, rất cần đội ngũ cán bộ có trình độ cao về PPP, có kiến thức chuyên sâu về dự án và quản lý dự án đầu tư xây dựng trên từng phương diện cụ thể như quản lý tài chính, quản lý nguồn lực, quản lý tiến độ, quản lý chi phí và chất lượng dự án;... Tính đến thời điểm hiện tại, có rất ít các cơ sở đào tạo chuyên về PPP, các chương trình đào tạo chủ yếu là tại các cơ sở đào tạo ngắn hạn, còn trong các trường đại học, kiến thức về dự án PPP mới chỉ dừng lại ở trong việc lồng ghép vào các chuyên ngành liên quan, nội dung lồng ghép cũng dừng lại ở cấp độ tổng quan, chủ yếu là giới thiệu sơ qua về các dự án PPP, chưa có sự phân tích, minh chứng cụ thể từ thực tiễn. Nghiên cứu này sẽ đánh giá thực trạng triển khai các chương trình đào tạo về hình thức đối tác công - tư trong lĩnh vực xây dựng tại Việt Nam hiện nay để làm tiền đề cho các nghiên cứu đưa ra các giải pháp triển khai hiệu quả công tác đào tạo về hình thức PPP tại Việt Nam trong thời gian tới.

2. Giới thiệu chung về hình thức PPP

2.1. Khái niệm, đặc điểm PPP

• Khái niệm PPP

Hình thức PPP không phải là khái niệm mới, nhưng vẫn chưa có một định nghĩa khái luận đầy đủ, chính xác và rõ ràng về bản chất về hình thức PPP, bởi lẽ trên thực tế, mô hình, phương thức và các nội dung của hợp tác công - tư (PPP) được xây dựng và tiếp cận theo những phạm vi và

^{1,2,3} Viện Viện Đào tạo và HTQT, Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội

Tel: 0988.119.885¹; 20988281866²; 0812.128.088³

Corresponding author: ¹hntran.arch@hau.edu.vn;

²nhatnm@hau.edu.vn; ³minhnbv@hau.edu.vn

Ngày nhận bài: 03/02/2023

Ngày sửa bài: 9/03/2023

Ngày duyệt đăng: 15/03/2024

Bảng 1: Các hình thức hợp đồng đối tác công tư (PPP) tại Việt Nam

Hợp đồng	Tên đầy đủ	Nội dung
BOT	Hợp đồng Xây dựng - Kinh doanh - Chuyển giao	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và Nhà đầu tư để xây dựng, kinh doanh công trình kết cấu hạ tầng, sau khi hoàn thành công trình, Nhà đầu tư được quyền kinh doanh công trình trong một thời hạn nhất định; hết thời hạn, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
BTO	Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Kinh doanh	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao công trình đó cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định.
BOO	Hợp đồng Xây dựng - Sở hữu - Kinh doanh	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư sở hữu và được quyền kinh doanh công trình đó trong một thời hạn nhất định.
O&M	Hợp đồng Kinh doanh - Quản lý	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để kinh doanh một phần hoặc toàn bộ công trình trong một thời hạn nhất định.
BTL	Hợp đồng Xây dựng - Chuyển giao - Thuê dịch vụ	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư chuyển giao cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền và được quyền cung cấp dịch vụ trên cơ sở khai thác công trình đó trong một thời gian nhất định; cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định.
BLT	Hợp đồng Xây dựng - Thuê dịch vụ - Chuyển giao	Hợp đồng được ký giữa cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư để xây dựng công trình kết cấu hạ tầng; sau khi hoàn thành công trình, nhà đầu tư được quyền cung cấp dịch vụ trên cơ sở vận hành, khai thác công trình đó trong một thời hạn nhất định; cơ quan nhà nước có thẩm quyền thuê dịch vụ và thanh toán cho nhà đầu tư theo quy định.
	Hợp đồng hỗn hợp	Hợp đồng kết hợp giữa các loại hợp đồng trên

Nguồn: Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 [8]

cách thức khác nhau, tùy thuộc vào các yếu tố về lịch sử, văn hóa, chính sách, luật pháp, và mức độ phát triển của từng quốc gia.

Theo quan điểm của Ngân hàng Phát triển Châu Á ADB (2008): “Thuật ngữ “mối quan hệ đối tác nhà nước – tư nhân” miêu tả một loạt các mối quan hệ có thể có giữa các tổ chức nhà nước và tổ chức tư nhân liên quan đến lĩnh vực cơ sở hạ tầng và các lĩnh vực dịch vụ khác. Mục đích cao nhất của hợp tác công – tư là kết hợp và tận dụng những lợi thế tương đối nhất định của mỗi khu vực so với khu vực còn lại nhằm giải quyết rủi ro, giảm thiểu chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động”[2].

Theo Ngân hàng Thế Giới (WB, 2017): “Đầu tư theo hình thức đối tác công – tư PPP là hợp đồng dài hạn giữa một bên là tư nhân và một cơ quan Chính phủ để cung cấp các tài sản hoặc dịch vụ công. Trong đó, nhà đầu tư tư nhân chịu rủi ro và trách nhiệm quản lý đáng kể. Thủ lao sẽ được thanh toán căn cứ theo kết quả thực hiện” [1].

Tại Việt Nam, định nghĩa về PPP được chính thức đưa ra trong Luật đầu tư theo phương thức đối tác công – tư như sau: “Đầu tư theo phương thức đối tác công tư (Public Private Partnership - sau đây gọi là đầu tư theo phương thức PPP) là phương thức đầu tư được thực hiện trên cơ sở hợp tác có thời hạn giữa Nhà nước và nhà đầu tư tư nhân thông qua việc ký kết và thực hiện hợp đồng dự án PPP nhằm thu hút nhà đầu tư tư nhân tham gia dự án PPP” [3].

Như vậy, có thể đúc kết khái niệm về hợp tác công – tư PPP như sau: “Hợp tác công – tư là hợp đồng giữa cơ quan công và doanh nghiệp tư nhân, đồng ý chia sẻ trách nhiệm, quyền lợi liên quan đến thực hiện, hoạt động và quản lý dự án”.

• Đặc điểm của PPP

Các quốc gia có sự tiếp cận PPP khác nhau, song về bản chất, PPP là sự tổng hợp của các nhân tố đặc điểm sau:

+ Chủ thể tham gia hợp đồng hợp tác công – tư (PPP) gồm cơ quan nhà nước có thẩm quyền và nhà đầu tư tư nhân. Cơ quan nhà nước có thẩm quyền là các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc thành phố trực thuộc trung ương;[8]

+ PPP là một cam kết hợp tác dài hạn, một thỏa thuận pháp lý giữa khu vực công và khu vực tư nhân, nhằm huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân để tài trợ và kinh doanh các cơ sở hạ tầng vốn thuộc trách nhiệm của nhà nước trong một khoảng thời gian nhất định (thường từ 10 – 50 năm); [5]

+ Phân bổ hợp lý rủi ro mà mỗi đối tác nhà nước và đối tác tư nhân phải gánh vác là vấn đề trung tâm và đặc điểm nổi bật nhất của mô hình PPP;

+ PPP là một cách thức tài trợ dự án hiệu quả. Theo các hợp đồng tín dụng truyền thống thông thường, một phần khoản vay được bảo đảm bởi một số hình thức cầm cố, thế chấp hoặc bảo lãnh; phần còn lại không được bảo đảm mà được cho vay trên cơ sở xem xét và thẩm định khả năng tạo ra doanh thu của dự án;[7]

+ Mô hình PPP tận dụng, tích hợp được lợi thế của cả hai khu vực nhà nước và tư nhân trong cùng một dự án;

+ Chất lượng dịch vụ cung cấp từ các hợp đồng PPP được cải thiện đáng kể;

+ Mô hình PPP có các loại hợp đồng rất phức tạp, đòi hỏi một khung pháp lý đo lường được và đảm bảo một quá trình rõ ràng.[6]

2.2. Các hình thức PPP

Hình thức PPP đã được áp dụng ở nhiều quốc gia khác nhau và có nhiều dạng khác nhau như xây dựng - vận hành - chuyển giao (BOT), xây dựng - sở hữu - vận hành - chuyển giao (BOOT); cho thuê, liên doanh hoặc hợp đồng vận hành và quản lý, v.v... [4]. Việc lựa chọn hình thức thực hiện dự án PPP phụ thuộc vào từng điều kiện cụ thể. Cụ thể, tại các nước trên thế giới, hình thức đối tác công tư (PPP) bao gồm các loại hợp đồng sau:

a) Mô hình nhượng quyền khai thác (Franchise) là hình thức mà theo đó cơ sở hạ tầng được nhà nước xây dựng và sở hữu nhưng giao (thường là thông qua đấu giá) cho tư nhân vận hành và khai thác.

b) Mô hình thiết kế - xây dựng - tài trợ - vận hành DBFO (Design- Build - Finance - Operate), khu vực tư nhân sẽ đứng ra xây dựng, tài trợ và vận hành công trình nhưng nó vẫn thuộc sở hữu nhà nước.

c) Mô hình xây dựng - vận hành - chuyển giao BOT (Build - Operate - Transfer) là hình thức do công ty thực hiện dự án sẽ đứng ra xây dựng và vận hành công trình trong một thời gian nhất định sau đó chuyển giao toàn bộ cho nhà nước.

d) Mô hình BTO (xây dựng - chuyển giao - vận hành) là mô hình sau khi xây dựng xong thì chuyển giao ngay cho nhà nước sở hữu nhưng công ty thực hiện dự án vẫn giữ quyền khai thác công trình.

đ) Mô hình xây dựng - sở hữu - vận hành BOO (Build - Own - Operate) là hình thức công ty thực hiện dự án sẽ đứng ra xây dựng công trình, sở hữu và vận hành công trình.

Tại Việt Nam, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 15/2015/NĐ-CP về đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP) vào ngày 14/02/2015 và Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14 được Quốc hội ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2020. Luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, các hình thức hợp đồng đối tác công tư (Bảng 1).

3. Tình hình sử dụng nguồn nhân lực trong các dự án PPP

Để có những dự án PPP bài bản, đúng nghĩa, đảm bảo chất lượng, đủ sức hấp dẫn nhà đầu tư, phân chia hợp lý rủi ro, hài hòa lợi ích, vai trò của yếu tố nguồn nhân lực tham gia vào quá trình thực hiện dự án PPP là rất quan trọng. Tình hình sử dụng nguồn nhân lực trong các dự án PPP được thể hiện thông qua các đơn vị cụ thể như sau:

+ Tình hình sử dụng tại các đơn vị quản lý Nhà nước (QLNN) tính đến thời điểm nghiên cứu chỉ có một số ít cơ quan đã thành lập đơn vị chuyên trách về PPP như Bộ Giao thông vận tải (thành lập Vụ PPP), thành phố Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh (thành lập Phòng PPP thuộc Sở KH&ĐT). Hầu hết các bộ và UBND cấp tỉnh/thành phố đã giao đơn vị trực thuộc làm đơn vị đầu mối về PPP, chủ yếu là đơn vị phụ trách kế hoạch - tài chính tại bộ hoặc sở KH&ĐT tại các tỉnh, thành phố, các cán bộ, công chức đầu mối thực hiện PPP chủ yếu làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Tại thời điểm điều tra, rất nhiều đơn vị quản lý Nhà nước về hoạt động xây dựng đang thiếu cán bộ quản lý dự án (QLDA) có chuyên môn cao về PPP. Trong thời gian tới, các đơn vị này vẫn có nhu cầu tuyển dụng thêm kỹ sư QLDA làm việc tại các vị trí như: Cán bộ tham gia quản lý, cán bộ chuyên môn (kỹ thuật, kinh tế, quan hệ, pháp lý, cơ chế chính sách...). Như vậy, có thể thấy rằng có rất nhiều đơn vị quản lý Nhà nước về hoạt động xây dựng vẫn còn thiếu kỹ sư QLDA có chuyên môn cao về PPP, đặc biệt là các đơn vị tại địa phương. Những đơn vị này không chỉ thiếu về số lượng mà còn thiếu các kỹ sư QLDA có trình

độ chuyên môn tốt, đáp ứng yêu cầu công việc. Do vậy, nhu cầu rất lớn đối với cán bộ QLDA về PPP (90%) và chủ yếu tuyển dụng vào vị trí cán bộ chuyên môn (49%) và cán bộ quản lý (38%).

+ Tại các đơn vị nhà đầu tư và doanh nghiệp dự án PPP tính tới thời điểm hiện tại thành phố Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh được coi là hai địa phương thu hút các dự án PPP lớn nhất cả nước. Chính vì vậy mà tại đây cũng yêu cầu một số lượng lớn người lao động có kiến thức và kỹ năng phù hợp. Tại Hà Nội, tính đến tháng 9/2017, thành phố đã xây dựng phương án đề xuất đầu tư dưới hình thức PPP 128 dự án (với tổng số vốn 332.030 tỷ đồng). Trong đó, có 8 dự án (với tổng vốn đầu tư 13.683 tỷ đồng) đã hoàn thành, 9 dự án (với tổng vốn đầu tư 15.960 tỷ đồng) đang triển khai thực hiện. Còn TP. Hồ Chí Minh đã có 23 dự án hoàn tất ký kết hợp đồng với tổng vốn đầu tư đạt trên 71.000 tỷ đồng. Ngoài ra, TP. Hồ Chí Minh còn có 130 dự án đang ở bước chuẩn bị đầu tư với tổng số vốn dự kiến xấp xỉ 400.000 tỷ đồng và tiếp tục kêu gọi 243 dự án với tổng mức đầu tư dự kiến khoảng 869.420 tỷ đồng. Thông qua kết quả điều tra, khảo sát cho thấy các doanh nghiệp dự án PPP đang có nhu cầu tuyển dụng rất lớn, làm việc tại các vị trí như: cán bộ tham gia quản lý, cán bộ chuyên môn (kỹ thuật, kinh tế, quan hệ, pháp lý, cơ chế chính sách...). Hơn nữa, nhu cầu cần cán bộ PPP tại các đơn vị nhà đầu tư và các doanh nghiệp dự án PPP là rất lớn (đối với chủ đầu tư 67% và doanh nghiệp là 82%). Bên cạnh đó, vị trí tuyển dụng ở hai đơn vị này chủ yếu là cán bộ chuyên môn.

+ Tình hình sử dụng tại các đơn vị tín dụng, có tới hơn 40 cơ sở đào tạo ngành tài chính-ngân hàng, trong đó có 24 trường đại học. Theo số liệu khảo sát của Viện ngân hàng tài chính, lượng sinh viên theo học ngành tài chính ngân hàng ra trường năm học 2012- 2013 khoảng 29.000 - 32.000 sinh viên và đến năm 2016 là 61.000 sinh viên. Tuy nhiên, nhu cầu tuyển dụng chỉ khoảng 50%. Kết quả điều tra, khảo sát ở một số ngân hàng có tham gia vào các dự án PPP cho thấy, nhu cầu tuyển dụng nguồn nhân lực có kiến thức, kinh nghiệm liên quan đến QLDA PPP trong lĩnh vực xây dựng là rất lớn và thực tế nhiều ngân hàng thương mại phải bỏ ra chi phí không nhỏ để thuê các chuyên gia nước ngoài vào làm việc ở một số bộ phận như: quản trị điều hành, chiến lược phát triển mạng lưới, quản trị rủi ro, đầu tư quốc tế... hoặc các chuyên gia quốc tế để trực tiếp tham gia vào một dự án PPP cụ thể.

4. Thực trạng triển khai các chương trình đào tạo hiện có về hình thức PPP

4.1. Thực trạng triển khai các chương trình đào tạo hiện có về hình thức PPP tại các trường đại học

Hiện nay, chưa có một trường đại học nào đào tạo về chuyên ngành hay môn học riêng về PPP trong lĩnh vực xây dựng mà chỉ lồng ghép trong chương trình đào tạo quản lý dự án và các chương trình liên quan khác. Bên cạnh đó, cũng chỉ có một số rất ít các trường đại học đã mở được ngành học quản lý dự án (QLDA), nhằm đào tạo ra các kỹ sư quản lý dự án chuyên nghiệp như: (i) Chuyên ngành QLDA tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Quốc tế Bắc Hà, Đại học Kinh tế quốc dân, Học viện Chính sách và phát triển, Đại học Vinh... (ii) Chuyên ngành Quản lý xây dựng tại Trường Đại học Xây dựng, Đại học Thủy lợi, Đại học Công nghệ thành phố Hồ Chí Minh, Đại học mở. (iii) Chuyên ngành Kinh tế xây dựng tại Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Giao thông vận tải và một số trường đại học khác.

Chuyên ngành xây dựng tại các trường đại học này có thời gian đào tạo từ 4 năm đến 4,5 năm. Thông thường, trong 3 năm đến 3,5 năm đầu tiên, sinh viên sẽ được đào tạo theo chương trình chung, bao gồm:

+ Khối kiến thức cơ bản: kiến thức về khoa học tự nhiên, khoa học Mác- Lênin, tin học, tiếng Anh...

+ Khối kiến thức cơ sở ngành: Tùy theo mỗi trường, khối kiến thức cơ sở ngành bao gồm các môn cơ sở như vẽ kỹ thuật, AutoCAD, cơ lý thuyết, sức bền vật liệu, cơ kết cấu, cơ học đất và nền móng, kinh tế học, vật liệu xây dựng, bê tông cốt thép... và các môn học tự chọn khác. Các môn học cơ sở ngành tạo điều kiện cho sinh viên nâng cao kiến thức chuyên sâu về kỹ thuật XD.

+ Khối kiến thức chuyên ngành: thường được trang bị trong những năm cuối cùng của khóa học. Sinh viên sẽ được trang bị nhưng kiến thức chuyên môn thông qua các môn học: kinh tế xây dựng, kinh tế đầu tư, tài chính doanh nghiệp, định giá sản phẩm xây dựng, định mức kỹ thuật trong xây dựng, lập và phân tích dự án đầu tư, QLDA, quản lý và điều hành tổng thể dự án, thẩm định dự án....

Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ trở thành kỹ sư quản lý dự án, được trang bị những kiến thức và nắm vững lý thuyết có kỹ năng về tư vấn, tổ chức, quản lý trong xây dựng;

Chương trình đào tạo PPP tại các trường đại học chủ yếu được lồng ghép trong đào tạo về quản lý dự án và các chuyên ngành liên quan, một số ít trường có tổ chức các khóa học ngắn hạn để đào tạo về PPP. Nhằm phục vụ cho việc đánh giá tình hình đào tạo bậc đại học về dự án PPP tại các trường đại học, dự án đã đưa vào phiếu điều tra một số câu hỏi và gợi ý phương án trả lời theo hướng mở để các đơn vị có thể bày tỏ quan điểm, ý kiến. Kết quả điều tra cho thấy, có khá nhiều đối tượng được điều tra biết đến các trường đại học đào tạo về QLDA và liên quan tại Việt Nam (248 ý kiến, chiếm 62%). Theo đó, nhóm thực hiện chia thành 3 nhóm như sau:

+ Nhóm 1 gồm các trường đào tạo chuyên ngành quản lý dự án và lồng ghép dự án PPP trong đó ở bậc đại học (trường Đại học Kiến trúc Hà Nội, Đại học Giao thông vận tải thành phố Hồ Chí Minh, Đại học Bách khoa Đà Nẵng, Đại học Quốc tế Bắc Hà).

+ Nhóm 2 gồm các trường đào tạo chuyên ngành liên quan đến QLDA và cũng lồng ghép cả dự án PPP ở bậc đại học (Ngành Quản lý xây dựng - Trường Đại học Thủy Lợi; ngành Quản lý xây dựng - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; ngành Quy hoạch và quản lý giao thông; Kinh tế xây dựng - Trường Đại học Giao thông vận tải; ngành Kinh tế và Quản lý đô thị - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội; và ngành Kinh tế đầu tư - Trường Đại học Kinh tế Quốc dân).

+ Nhóm 3 gồm các Trường Đại học có tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn bậc đại học về QLDA PPP (Chương trình đào tạo liên kết quốc tế chuyên ngành Quản lý đầu tư và Kinh doanh bất động sản giữa trường Đại học Xây dựng và Đại học tổng hợp xây dựng quốc gia Matxcova; Khóa học về hợp tác công tư phối hợp với Viện Hợp tác Công - Tư Châu Á, Trường Đại học Xây dựng; Khóa học Đầu thầu và Quản lý dự án - Trường Đại học Ngoại Thương; Khóa học Quản lý dự án - Trường Đại học Kiến trúc thành phố Hồ Chí Minh; Khóa học Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và khóa học Quản lý dự án - Đầu thầu - Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội).

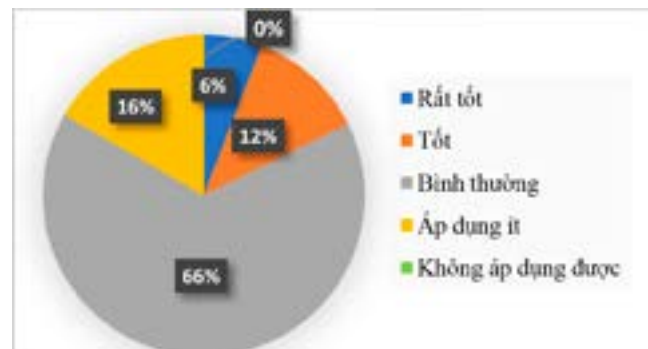
Các đơn vị tuyển dụng thường tuyển kỹ sư QLDA nói chung và QLDA PPP nói riêng từ các trường đại học có uy tín tại Việt Nam. Riêng đối với ngành QLDA hoặc ngành liên

quan thì chương trình đào tạo kéo dài từ 4,5 – 5 năm với mục tiêu và chuẩn đầu ra rõ ràng. Do vậy, khi tuyển dụng kỹ sư QLDA tốt nghiệp từ những trường này thường được ưu tiên hơn so với các đối tượng khác.

Trong số các cán bộ, kỹ sư thuộc đối tượng điều tra khảo sát, chỉ có 36 cán bộ kỹ sư đã tham gia đào tạo bậc đại học chuyên ngành QLDA nói chung và QLDA xây dựng nói riêng. Các cán bộ, kỹ sư này đã được trực tiếp tham gia học tập, giảng dạy và tham gia vào các dự án PPP. Các cán bộ, kỹ sư này đã đánh giá tình hình đào tạo ngành QLDA bậc đại học như sau:

Có thể nhận thấy tại các trường đại học được đào tạo các kiến thức tổng quan với rất nhiều chuyên đề (86%) chú trọng trong đào tạo các kỹ năng, các hoạt động, chuyên đề nhằm bổ sung kỹ năng quản lý (78%). Tuy nhiên, đào tạo tại các trường đại học lại đang gặp phải nhược điểm lớn đó là chương trình đào tạo quá dàn trải (với 78%) và nội dung đào tạo còn nhiều tính lý thuyết (với 82%) chưa cập nhật đầy đủ các trường hợp thực tế.

Ngoài ra, để tìm hiểu các chương trình đào tạo tại các trường đại học về QLDA có khả năng áp dụng vào thực tế cao không nhóm thực hiện cũng đã tiến hành điều tra khảo sát và thấy rằng phần lớn những kỹ sư đã tham gia đào tạo bậc đại học cho rằng những kiến thức thuộc chương trình đào tạo QLDA chỉ áp dụng được một phần (66%) trong các dự án về PPP mà nội dung áp dụng đa phần về quản lý và một chút về kỹ thuật chứ không chuyên về PPP nên hầu như các kỹ sư tham gia dự án PPP đều phải học bổ sung một số chương trình đào tạo ngắn hạn chuyên về PPP để cập nhật kiến thức.



Hình 1: Khả năng áp dụng kiến thức trong các trường đại học vào thực tế. Nguồn: Điều tra khảo sát

Như vậy, qua các thống kê và ý kiến đóng góp từ các đơn vị được điều tra, cùng những kết quả nghiên cứu đã được thực hiện trước đó, có thể đánh giá: thực trạng đào tạo về PPP tại Việt Nam mới chỉ có một số ít trường đại học đào tạo chuyên ngành QLDA xây dựng hoặc các chuyên ngành có liên quan và chưa có một chuyên ngành nào đào tạo về dự án PPP hoặc môn học riêng về PPP trong lĩnh vực xây dựng. Trong chương trình đào tạo QLDA của các trường đều có lồng ghép kiến thức về PPP. Bên cạnh những khóa học dài hạn (đào tạo chính quy, thời gian từ 4-5 năm), một số trường còn tổ chức các khóa ngắn hạn, phục vụ cho nhu cầu của các đối tượng quan tâm. Thực tế, các chương trình đào tạo còn hạn chế, nguồn lực của một số trường chưa đủ để phục vụ giảng dạy như thiếu giảng viên, kiến thức của giảng viên chưa đáp ứng, ... nên chất lượng đào tạo chưa đạt yêu cầu của nhà tuyển dụng. Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ được

cấp bằng Kỹ sư QLDA và tùy vào tính chất công việc mà bằng cấp có thể được ưu tiên. Nhưng nhìn chung, các kỹ sư vừa tốt nghiệp thường thiếu kinh nghiệm và kiến thức được trang bị trong trường đại học là chưa đủ để thực hiện công việc liên quan đến các dự án PPP. Do vậy, cần nâng cao hơn nữa chất lượng đào tạo kỹ sư QLDA tại các trường đại học đặc biệt là cần mở thêm chuyên ngành QLDA PPP hoặc bổ sung các môn học riêng về PPP trong xây dựng. Không nên chỉ lồng ghép trong chuyên ngành QLDA hoặc trong các môn học liên quan.

Hiện nay còn có một số trường tổ chức đào tạo bậc sau đại học về chuyên ngành QLDA như: Thạc sĩ QLDA tại Trường Đại học Xây dựng, Trường Đại học Xây dựng miền Trung; Khóa học Thạc sĩ quản trị dự án khóa 8 (học bằng tiếng Pháp) và khóa 4 (học bằng tiếng Anh) do Trường Đại học Nantes, Cộng hòa Pháp cấp bằng được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt theo quyết định số 536/QĐ-BGDĐT và được Cục Khảo thí và Đảm bảo chất lượng công nhận. Một số các trường tổ chức đào tạo bậc sau đại học về chuyên ngành liên quan đến QLDA, bao gồm: Thạc sĩ Quản lý đô thị và công trình tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội; Thạc sĩ Quản lý đô thị tại Trường Đại học Xây dựng miền Trung; Đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý xây dựng tại trường Đại học Xây dựng; đào tạo Tiến sĩ chuyên ngành Quản lý đô thị và công trình tại Trường Đại học Kiến trúc Hà Nội.

Bậc đào tạo sau đại học thường là các khóa đào tạo dài hạn và nhận được sự quan tâm của nhiều cá nhân, tổ chức do các khóa đào tạo dài hạn bậc sau đại học thường là đào tạo Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ. Đây là loại hình đào tạo chính quy, có chương trình giảng dạy khoa học do đội ngũ giảng viên chất lượng và có uy tín. Thời gian đào tạo thường là 1,5 năm đến 2 năm đối với Thạc sĩ, 3 năm hoặc 4 năm đối với Tiến sĩ với nhiều môn học chuyên sâu, giúp học viên vận dụng được vào thực tế công việc. Bằng được cấp sau khóa học là bằng Thạc sĩ hoặc Tiến sĩ quản lý dự án có thể được ưu tiên hơn trong tuyển dụng và thường được sắp xếp vào vị trí đúng với chuyên ngành đào tạo.

Cũng như bậc đại học, bậc đào tạo sau đại học cũng gặp phải những hạn chế nhất định như hình thức học không tập trung, lịch học thay đổi thường xuyên, yêu cầu đầu vào cao (đặc biệt là đào tạo trình độ Tiến sĩ)... Vì vậy, mặc dù có nhiều ưu điểm nhưng đào tạo sau đại học vẫn không phải là lựa chọn hàng đầu của những đối tượng muốn học tập về QLDA nói chung và QLDA PPP nói riêng.

Theo số liệu tổng hợp từ phiếu điều tra, trong tổng số phiếu điều tra thu về từ 3 nhóm đơn vị có 350 ý kiến (chiếm 87.5%) muốn tham gia các khóa đào tạo về QLDA PPP bậc đại học và 170 ý kiến (chiếm 42.5%) muốn tham gia các khóa đào tạo về QLDA PPP bậc sau đại học.

Như vậy, tuy tình hình và nội dung đào tạo bậc đại học có nhiều hạn chế hơn so với bậc sau đại học, nhưng khi lựa chọn tham gia khóa học về QLDA PPP tại các trường đại học thì đào tạo bậc đại học lại chiếm ưu thế lớn so với bậc sau đại học. Bên cạnh đó nghiên cứu thực hiện khảo sát về nhu cầu đào tạo chuyên ngành QLDA PPP tại các trường đại học, và thấy rằng đa số các ý kiến đều mong muốn các Trường đại học mở riêng chuyên ngành về QLDA PPP (có đến 83.5% ý kiến) chứ không phải lồng ghép trong ngành QLDA.

4.2. Thực trạng triển khai các chương trình đào tạo hiện có về hình thức PPP tại các cơ sở đào tạo ngắn hạn

Trong những năm qua các dự án PPP không ngừng tăng lên. Điều này kéo theo nhiều lớp học ngắn hạn chuyên về quản lý dự án PPP được triển khai như: Công ty cổ phần

Giáo dục Việt Nam: Lớp bồi dưỡng kiến thức BOT, BTO, BT; Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đấu thầu) phối hợp với Viện Phát triển Hàn Quốc (KDI) tổ chức Khóa đào tạo về cách thức triển khai một dự án PPP và kinh nghiệm thực hiện các dự án PPP tại Hàn Quốc; Trường Đại học Xây dựng phối hợp với Viện Hợp tác Công - Tư Châu Á (Asia Public/ Private Partnership Institute -APPPI - Lớp học (chủ yếu đào tạo cán bộ nguồn) về Hợp tác công tư (PPP); Công ty Phú Sơn Events - Khóa đào tạo PPP; Công ty cổ phần đào tạo đánh giá dự án APA - lớp bồi dưỡng kiến thức BOT, BTO, BT....

Bên cạnh đó, có một số tỉnh, thành phố tổ chức các là các khóa đào tạo năng lực về đầu tư theo hình thức PPP cho các cán bộ. Trong các khóa học này nội dung chính được đào tạo như: khái niệm cơ bản của hình thức, mua sắm và đấu thầu trong các dự án về cơ sở hạ tầng, quy trình đấu thầu, đánh giá việc thực hiện theo hình thức hợp tác công tư,...

Nhằm phục vụ cho việc đánh giá tình hình đào tạo về QLDA PPP tại các cơ sở đào tạo chương trình ngắn hạn nhằm phục vụ nhu cầu thị trường, nhóm thực hiện đã đưa vào phiếu điều tra một số câu hỏi và gợi ý phương án trả lời theo hướng mở để các đơn vị tự do bày tỏ quan điểm, ý kiến. Với 400 phiếu điều tra (số phiếu phát đi 470 phiếu, thu về 400 phiếu hợp lệ) cho kết quả như sau:

Các đối tượng được điều tra biết đến các cơ sở đào tạo về QLDA PPP tại Việt Nam không được cao chỉ với 62%. Theo kết quả tổng hợp từ phiếu điều tra có 11 cơ sở đào tạo chương trình ngắn hạn về QLDA PPP, đó là: Công ty Giá xây dựng; Công ty cổ phần giáo dục Việt Nam; Công ty TNHH Đào tạo và Tư vấn quản lý dự án PMC; Công ty cổ phần phát triển và chuyển giao công nghệ toàn cầu ITPro; Khóa học về hợp tác công tư (PPP) phối hợp với Viện Hợp tác Công - Tư Châu Á (Asia Public/ Private Partnership Institute -APPPI, trường Đại học Xây dựng....

Đặc điểm chung của các cơ sở đào tạo này là có cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy tốt, tài liệu học tập hợp lệ, đảm bảo chất lượng. Bên cạnh đó thời gian đào tạo ngắn, thường là 2 tuần hoặc 1 tháng cho một khóa học, mỗi buổi học kéo dài 2-3 tiếng. Đối tượng tham gia rất đa dạng, là các chủ đầu tư, trường, phó ban và cán bộ trực tiếp làm công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình của các cơ quan, đơn vị; sinh viên và các đối tượng khác muốn tìm hiểu về QLDA nói chung và QLDA PPP nói riêng.

Hình thức đào tạo đa dạng đó là đào tạo tại các cơ sở đào tạo; trực tiếp tại đơn vị có nhu cầu và đào tạo trực tuyến. Với đội ngũ giảng viên nhiệt tình, có kinh nghiệm thực tế trong nhiều lĩnh vực như kiến trúc, xây dựng dân dụng, cầu đường, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật... nhiệt huyết với công việc tham gia giảng dạy được chọn lọc từ các đơn vị như các giảng viên từ các Trường Đại học, Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, vụ, viện, các Ban quản lý dự án, các chuyên gia xây dựng. Và cuối khóa đào tạo, các học viên sẽ được cấp chứng nhận hoặc chứng chỉ hoàn thành chương trình khóa học.

5. Giải pháp nhằm triển khai hiệu quả công tác đào tạo về hình thức PPP tại Việt Nam

Các giải pháp này quá chung chung ko liên quan, rõ ràng gì đến PPP, mình nên nêu các giải pháp cụ thể:

Bổ sung các môn học riêng biệt vào các chương trình đào tạo dài hạn... (Nêu chung chung các kỹ năng kiến thức nhất thiết phải có trong môn này là gì. Nên bổ sung vào những ngành học nào).

Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học

đại học (mục này phải viết làm sao để liên quan đến đào tạo PPP).

Xã hội hoá giáo dục đại học (cũng phải viết làm sao để liên quan đến đào tạo PPP như mời sự tham gia của các doanh nghiệp đã đầu tư vào hình thức PPP, vào quá trình đào tạo).

Đổi mới giáo dục đại học theo hướng hội nhập quốc tế (Cũng phải nêu liên quan đến PPP, như học tập mô hình đào tạo về PPP tại các nước,...).

Qua phân tích thực trạng thấy rằng, việc đào tạo quản lý dự án nói chung và dự án PPP nói riêng tại các cơ sở đào tạo trong nước thực tế đang còn nhiều hạn chế và cần thiết phải có những giải pháp cụ thể, nhằm thay đổi cả về nội dung lẫn hình thức đào tạo để đáp ứng yêu cầu của thị trường trong và ngoài nước. Cụ thể:

- Đổi mới mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học đại học

Mục tiêu, nội dung, phương pháp dạy và học ở bậc đại học phải phù hợp với những thay đổi về tính chất và nội dung lao động, đáp ứng nguyện vọng và điều kiện của người học. Quá trình đổi mới nên nghiên cứu một số hướng cơ bản như: đào tạo kiến thức, kỹ năng đáp ứng nhu cầu thực tế của thị trường; phát triển khả năng linh hoạt, sáng tạo, thích ứng trong công việc; nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, hiểu biết xã hội; biết tận dụng tối đa ứng dụng khoa học công nghệ trong đào tạo. Và đẩy mạnh nghiên cứu gắn với thực tế thị trường, phát triển mô hình đặt hàng nghiên cứu.

- Xã hội hoá giáo dục đại học

Xã hội hóa giáo dục đại học cần phải chỉ rõ cộng đồng xã hội phải cùng có trách nhiệm tham gia vào việc hình thành chương trình đào tạo đại học thông qua chương trình xã hội hóa giáo dục. Đã đến lúc cần phải nhận ra rằng, không thể khoán gọn giáo dục đại học cho các nhà giáo và hệ thống các trường đại học, và xã hội hóa giáo dục cũng sẽ không thể thành công nếu cộng đồng xã hội không nhìn thấy được vai trò quan trọng trong sự nghiệp đào tạo. Cụ thể, đối với nội dung quản lý dự án PPP, cần sự tham gia của các bên liên quan như cơ quan quản lý nhà nước, khối tư nhân, tổ chức tín dụng,...từ những bước đầu của việc xây dựng chương trình đào tạo đến quá trình vận hành, đánh giá chất lượng học viên sau tốt nghiệp. Các đơn vị này có thể đặt hàng các chương trình đào tạo theo chuẩn đầu ra được xác định trước.

- Đổi mới giáo dục đại học theo hướng hội nhập quốc tế

Để nội dung chương trình giáo dục đại học theo kịp các nước và hướng hội nhập quốc tế cần phải thực hiện: (i) Cần xây dựng triết lý giáo dục nền giáo dục nước nhà trong giai đoạn cụ thể, đồng thời mỗi trường đại học, mỗi cơ sở

giáo dục cũng cần có triết lý giáo dục riêng phù hợp với tôn chỉ, mục đích và hướng tới hội nhập vào dòng chảy phát triển chung của giáo dục quốc tế. (ii) Đổi mới tư duy giáo dục cần “gắn với xây dựng xã hội”; bảo đảm các điều kiện nâng cao chất lượng; hệ thống giáo dục được chuẩn hóa, hiện đại hóa, dân chủ hóa, xã hội hóa và hội nhập quốc tế; giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa và mang đậm bản sắc dân tộc. (iii) Các cấp, các ngành, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo cần có sự thay đổi một cách mạnh mẽ về tư duy trong tổ chức giáo dục đại học, như thay đổi cách tuyển sinh, lựa chọn “đầu vào” theo hướng thoáng hơn, cho phép các cơ sở giáo dục đại học tự đặt ra các tiêu chuẩn tuyển sinh và chịu trách nhiệm với người học bằng chính “uy tín” đào tạo của mình, cho phép hình thành nhiều mô hình đào tạo đại học khác nhau, kiểm soát chặt chẽ “đầu ra” của mỗi cơ sở đào tạo để bảo đảm chất lượng chung... (iv) Đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình và phương pháp dạy học theo hướng hội nhập quốc tế. Đồng thời tăng cường các hoạt động nghiên cứu và công bố quốc tế, tiến tới quốc tế hóa các tiêu chuẩn đánh giá khoa học và các hoạt động về chuyên môn tại các cơ sở giáo dục đại học.

6. Kết luận

Đối với đầu tư theo hình thức PPP, nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao là vô cùng quan trọng, nhưng có rất ít các cơ sở đào tạo chuyên về PPP. Hiện nay các trường đại học đã có các chương trình đào tạo dài hạn và ngắn hạn bậc đại học và sau đại học về chuyên ngành QLDA nói chung và dự án PPP nói riêng. Các chương trình đào tạo chủ yếu là tại các cơ sở đào tạo ngắn hạn, còn trong các trường đại học, kiến thức về dự án PPP mới chỉ dừng lại ở trong việc lồng ghép vào các chuyên ngành liên quan, hoặc trong một số đề tài nghiên cứu bậc sau đại học. Đối với bậc đại học, nội dung lồng ghép cũng dừng lại ở cấp độ tổng quan, chủ yếu là giới thiệu sơ qua về các dự án PPP hoặc một số chưa có sự phân tích, minh chứng cụ thể từ thực tiễn.

Tình hình đào tạo vẫn tồn tại một số hạn chế như đào tạo dàn trải, chưa tập trung, chưa cập nhật đầy đủ thực tế. Đối với lĩnh vực quản lý dự án xây dựng, hình thức đào tạo bậc đại học vẫn chiếm ưu thế về đào tạo kỹ sư QLDA so với đào tạo sau đại học, và cũng là hình thức được đông đảo các đối tượng lựa chọn khi tham gia đào tạo về QLDA nói chung và PPP nói riêng.

Chính vì vậy, thời gian tới cần chú trọng phát triển đào tạo về PPP tại các cơ sở đào tạo trên cả nước. Nghiên cứu này đã phân tích, đánh giá thực trạng đào tạo về đầu tư theo hình thức PPP tại Việt Nam và đề xuất một số giải pháp nhằm cải thiện chất lượng đào tạo về PPP tại các cơ sở đào tạo tại Việt Nam hiện nay./.

Tài liệu tham khảo

1. ADB (2008), Sổ tay “Mối quan hệ đối tác Nhà nước - Tư nhân (PPP)”, năm 2008.
2. ADB (2012), Kế hoạch hoạt động quan hệ đối tác Công - Tư (PPP) 2012–2020. Hiện thực hoá tầm nhìn Chiến lược 2020: Vai trò chuyển đổi của quan hệ đối tác Công - Tư trong các hoạt động của Ngân hàng Phát triển Châu Á, năm 2012.
3. Hoàng Anh Tuấn (2019), Quản lý hiệu quả dự án đầu tư phát triển đô thị theo hình thức đối tác Công - Tư ở Việt Nam, Luận án Tiến sĩ Quản lý đô thị và công trình, Đại học Kiến trúc Hà Nội, năm 2019.
4. Johan A. Minnie (2011), Critical success factors for public private partnerships in south africa, Doctor of philosophy thesis, Stellenbosch University, tr.214-317.
5. Mohammed Niyas Fathima Muneera (2012), Public-Private Partnership (PPP) in Solid Waste Management, Master's thesis, Norwegian University of Science and Technology, tr.30-43.
6. Nguyễn Đăng Trương (2014), Nghiên cứu sự cần thiết thực hiện dự án Luật khuyến khích đầu tư theo hình thức đối tác công tư, năm 2014.
7. Nikolai Mouraviev (2013), An Analysis of Governance Policy and Practice inPublic - Private Partnerships in Transitional Economies: A Case Study of Kazakhstn and Russia, Doctor of philosophy thesis, University of Northampton, tr.312-340.
8. Quốc Hội (2020), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư số 64/2020/QH14, ngày 18/06/2020.